HIỆN TẠI ĐƠN _ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

Nội dung	THÌ HIỆN TẠI ĐƠN	THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN	THÔNG TIN CẦN ĐIỀN
Cấu trúc (Khẳng định)	S + V(s/es) hoặc S + [1]	S + [2] + V-ing	* am / is / are + not + V-ing * Đang xảy ra ngay lúc nói * Lịch trình, thời gian biểu * Trạng từ tần suất đứng TRƯỚC động từ thường, đứng SAU động từ to be * Thói quen lặp đi lặp lại * am / is / are * Sự thật, trạng thái * Gấp đôi phụ âm cuối trước khi thêm -ing * am / is / are * Every day, always, usually, often * Now, at the moment, Look!, Listen! * Đang xảy ra trong khoảng thời gian xung quanh thời điểm nói * Hành động trái với thói quen bình thường
Cấu trúc (Phủ định)	S + don't / doesn't + V-inf Hoặc S + am / is / are + not	S + [3]	
Cách dùng	Diễn tả: [4] - - -	Diễn tả: [5]	
Ví dụ	* I usually play games. * He **catches** the bus to school **every day**.	* I am playing games now. * He catches the bus to school every day, **but today** he **is riding** his bike.	
Dấu hiệu nhận biết	[6]	[7]	
Lưu ý đặc biệt	[8]	Khi từ kết thúc bằng 1 nguyên âm + 1 phụ âm (như run, sit), ta phải: [9]	

LIVEWORKSHEETS